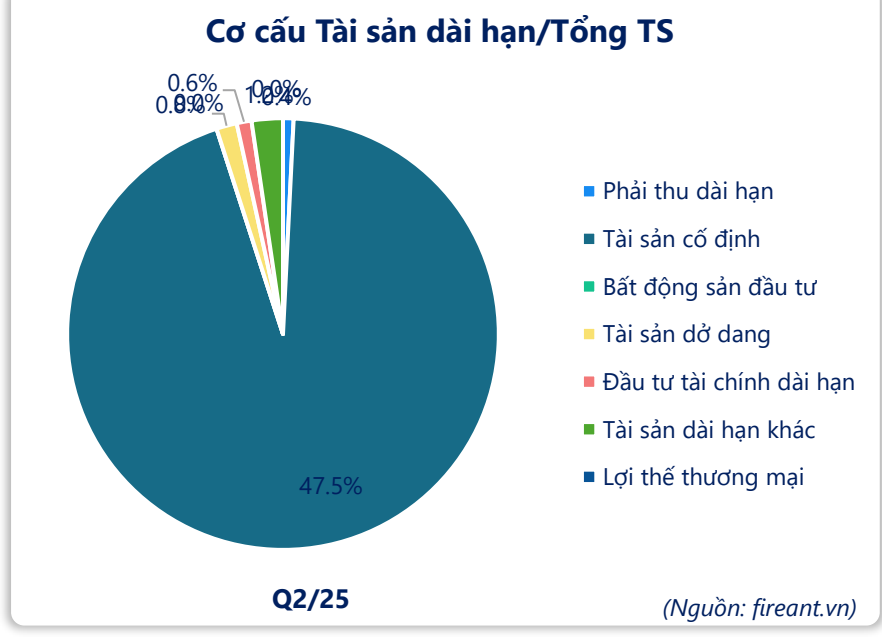
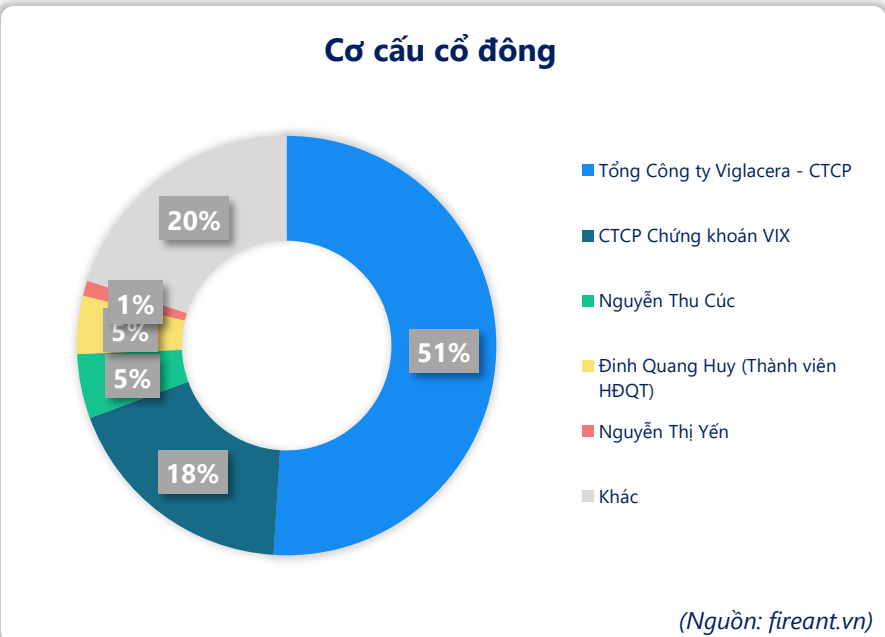
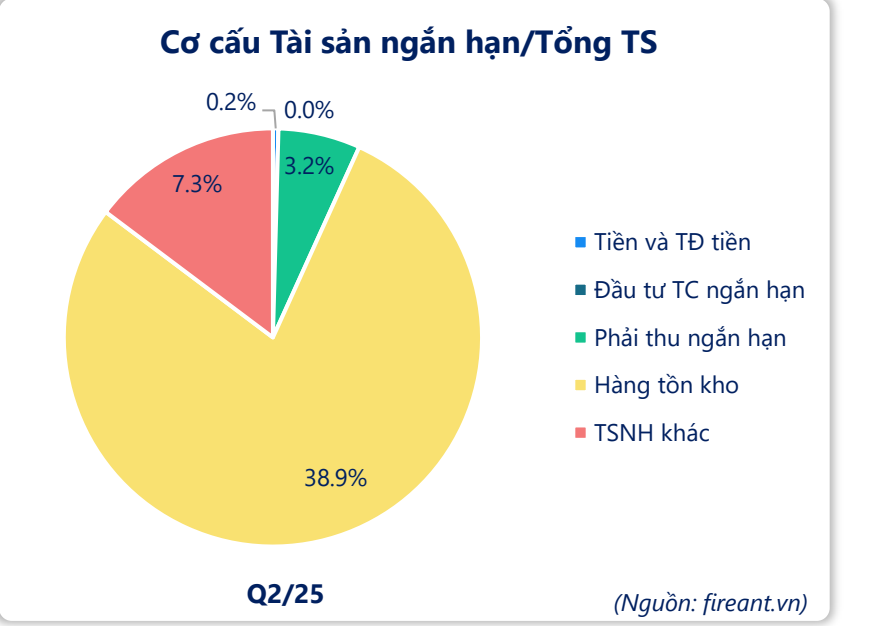
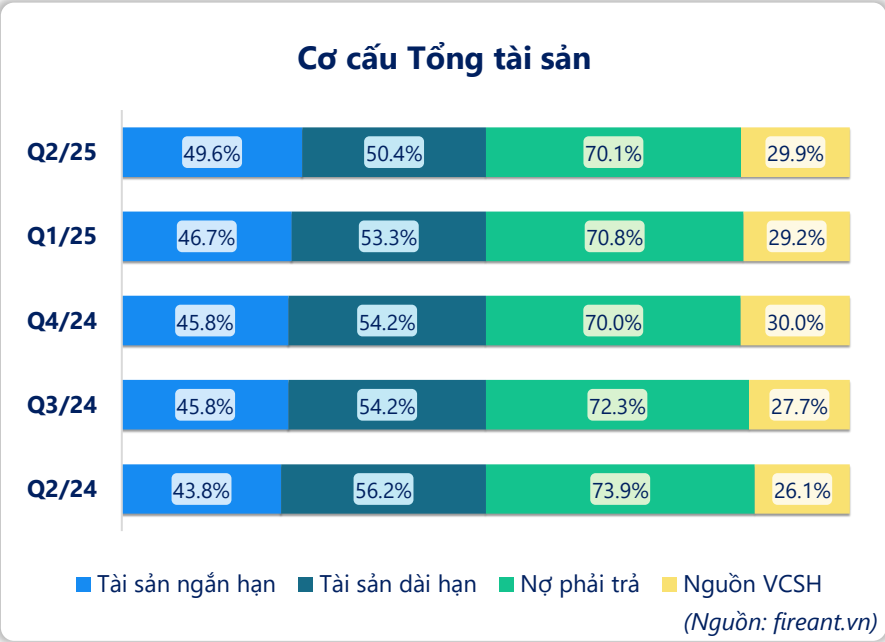
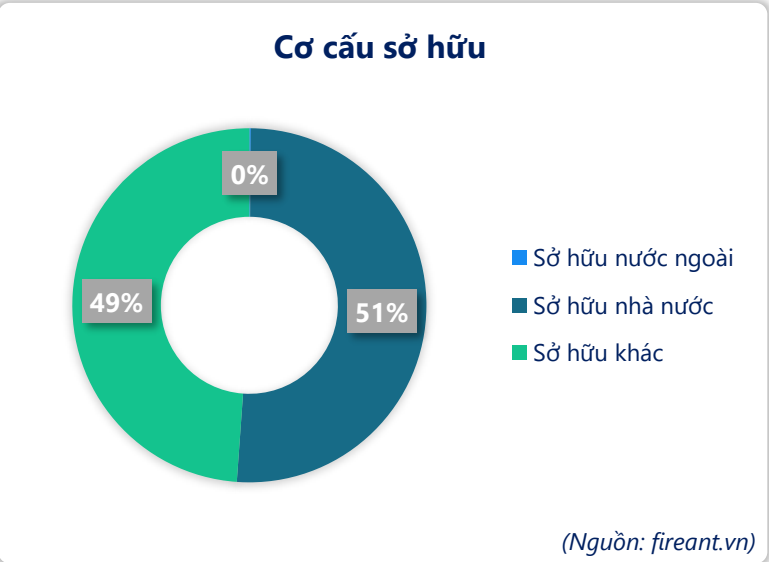
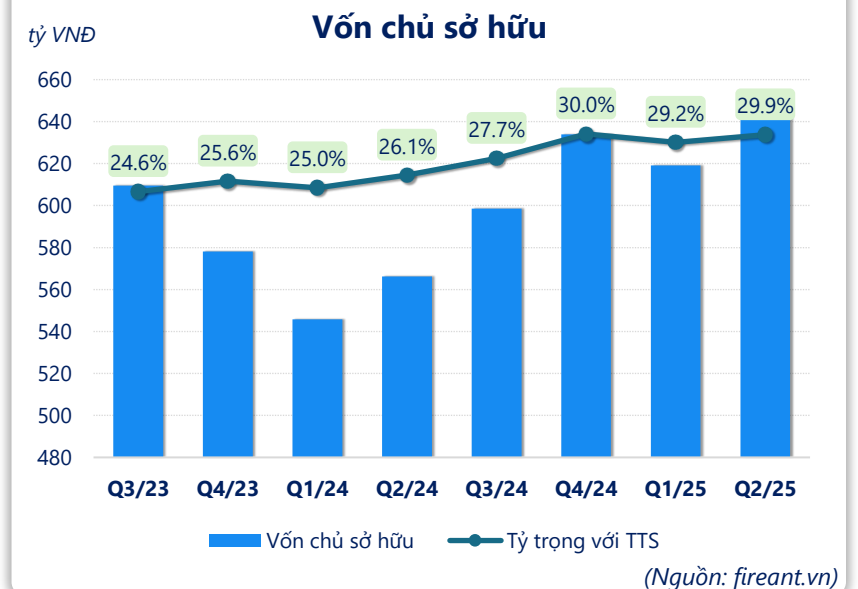
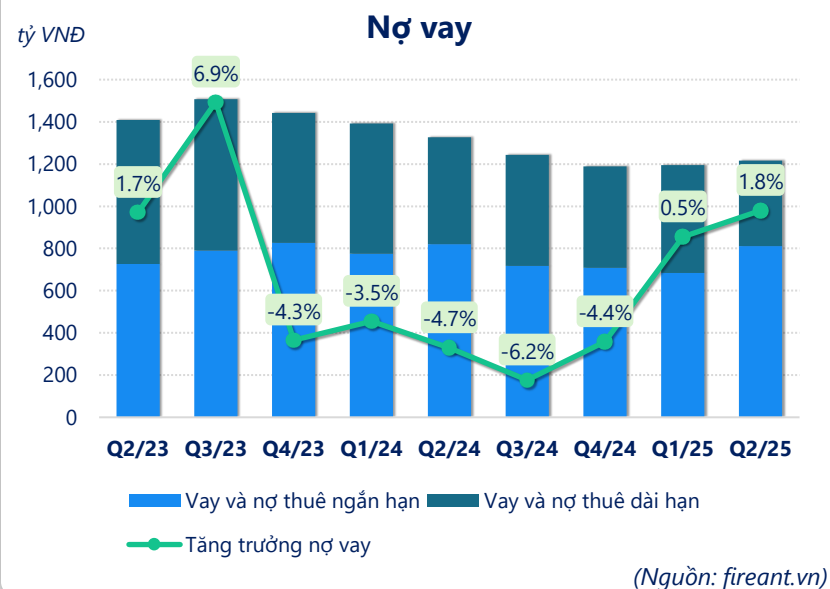
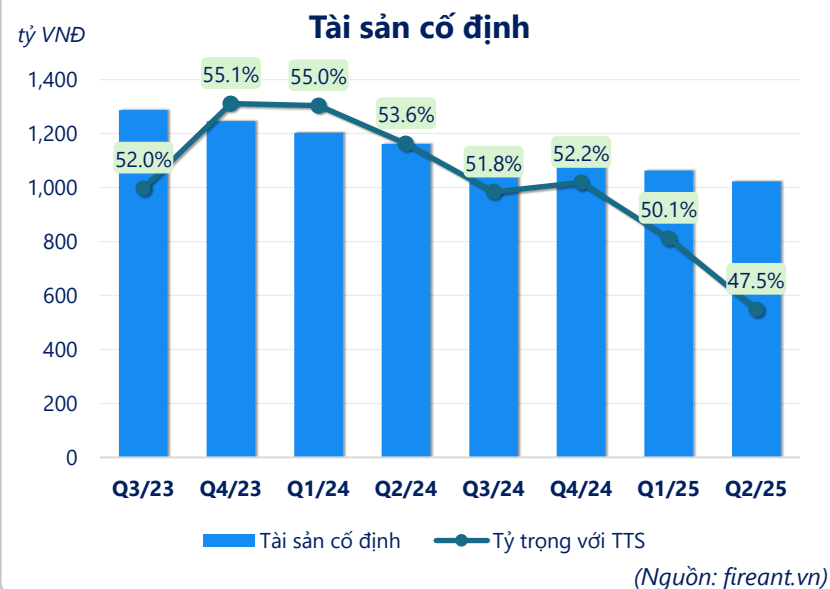
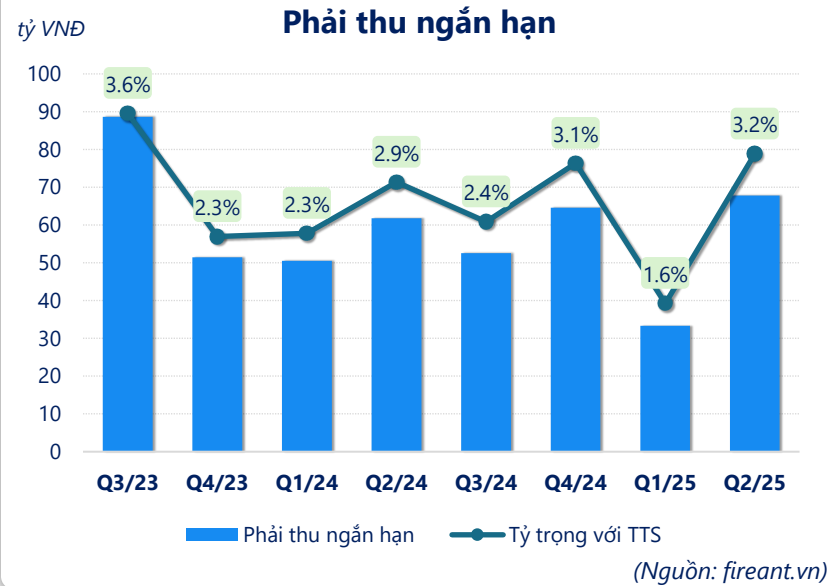
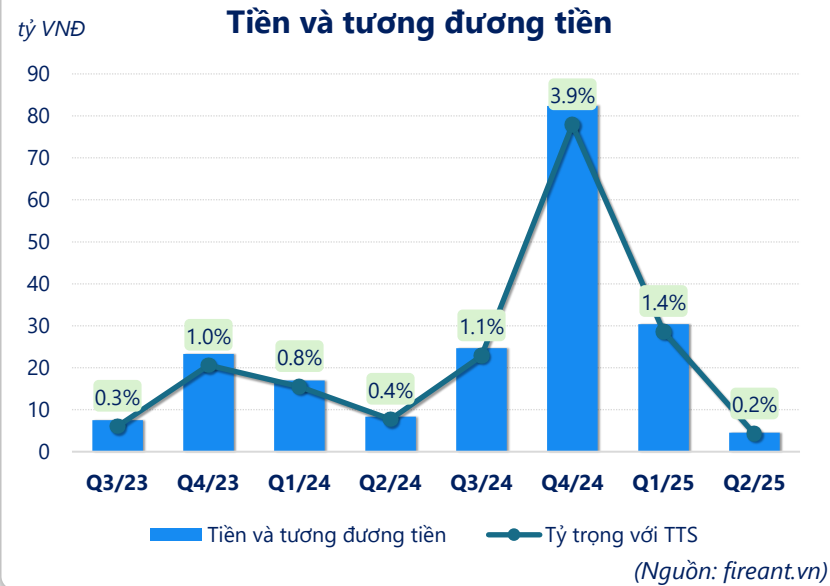
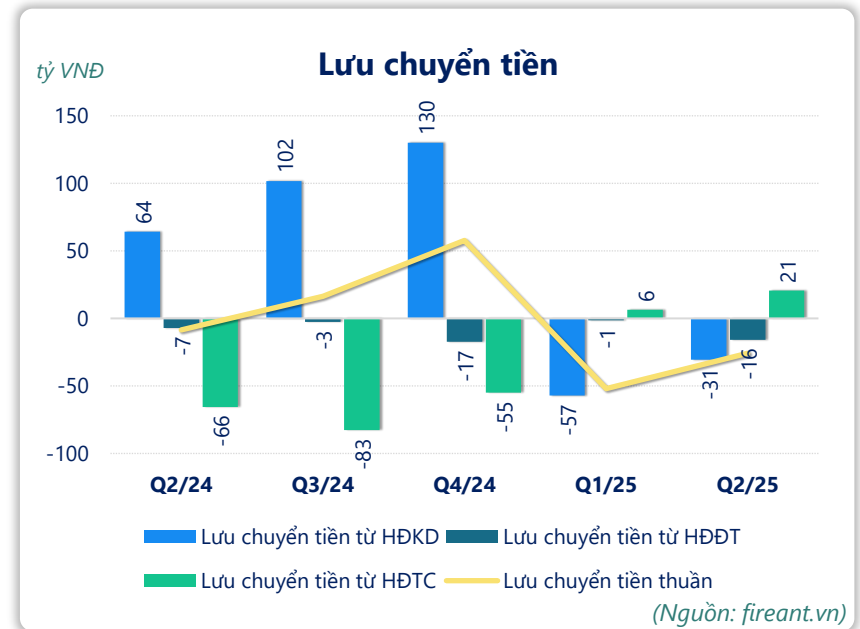
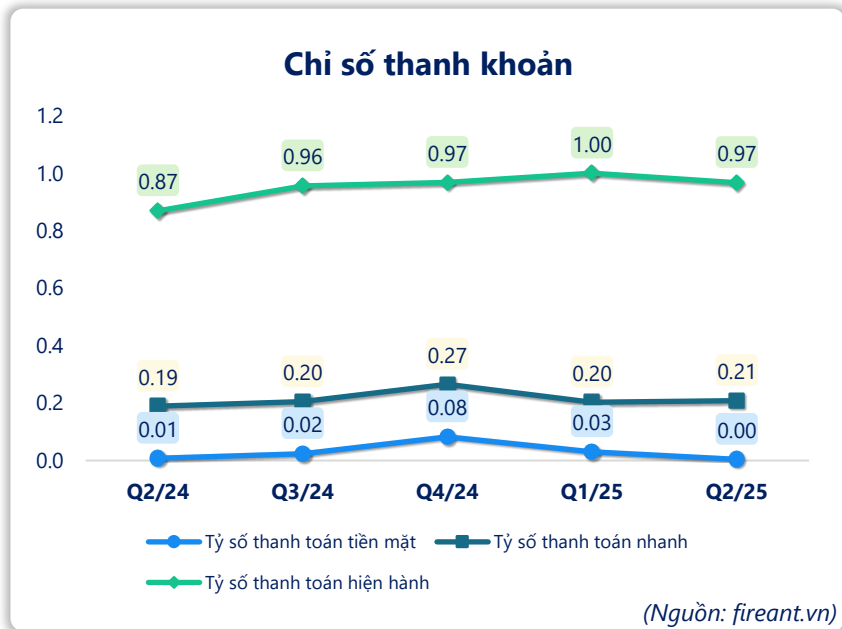
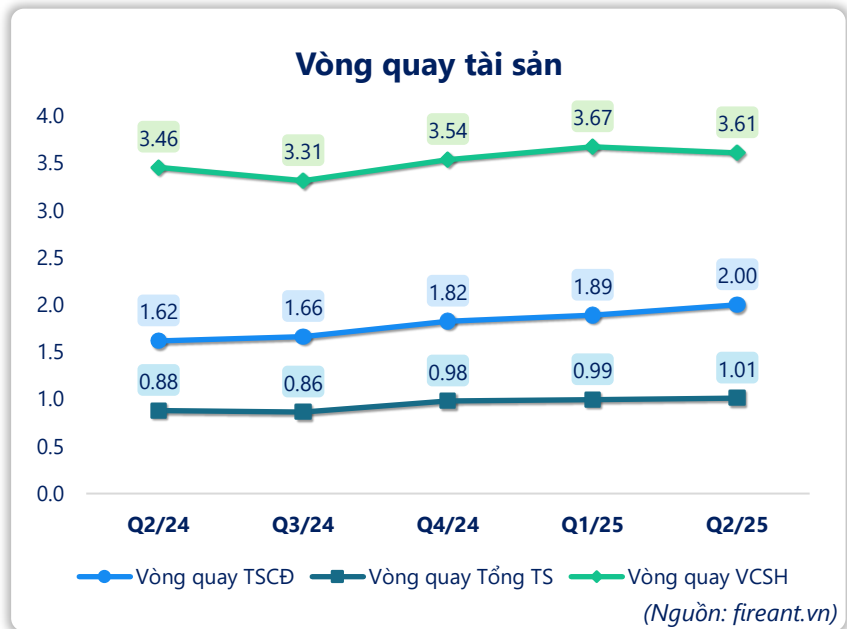
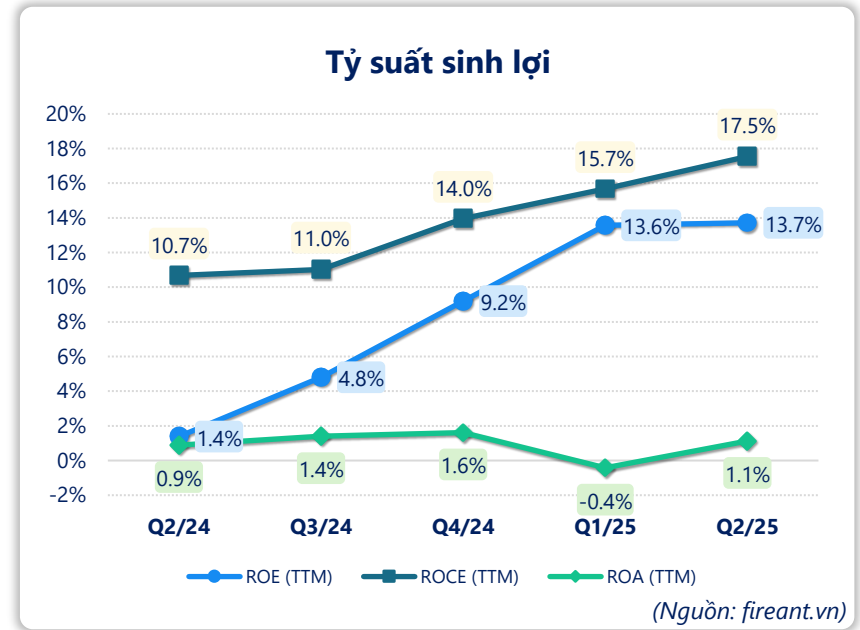
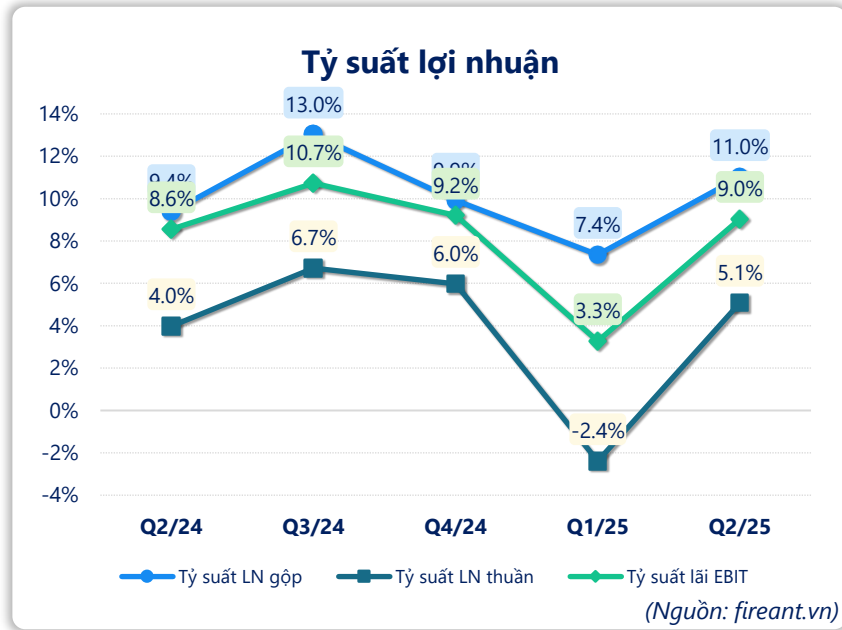
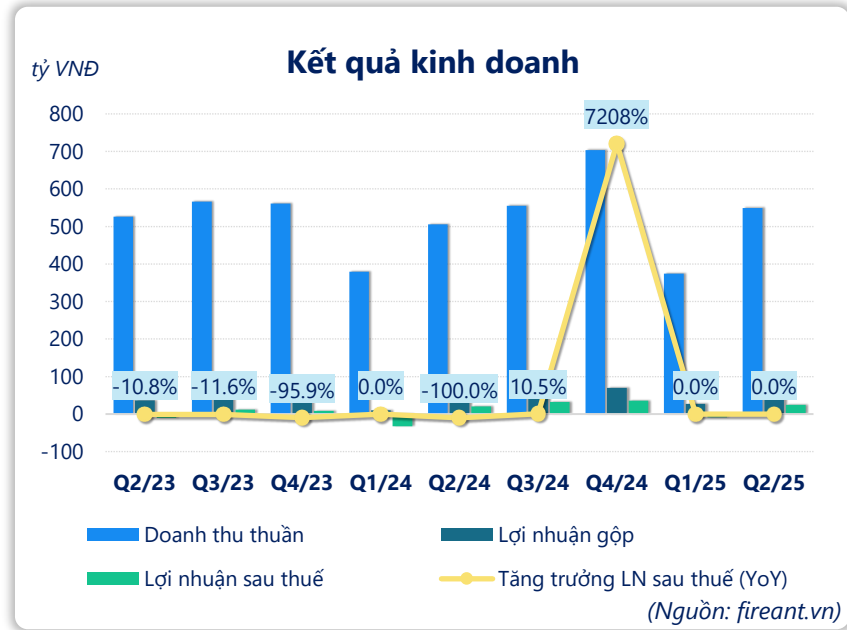


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,640
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,717
SL cổ phiếu LH		49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)		69,663
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		935
P/E		11.3
EPS		1,659

	YTD	1T	3T	6T
VIT	-3.7%	-0.2%	-1.2%	-1.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,153	2,115	1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,068	968	10.3%
Tiền và tương đương tiền	4.53	82.4	-94.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	67.8	64.6	5.0%
Hàng tồn kho	838	703	19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	158	119	32.8%
Tài sản dài hạn	1,085	1,147	-5.4%
Phải thu dài hạn	8.59	5.94	44.6%
Tài sản cố định	1,022	1,104	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.7	0.04	42407%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.0	12.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	25.3	24.9	1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,509	1,485	1.7%
Nợ ngắn hạn	1,104	1,004	9.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	811	708	14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	246	229	7.2%
Nợ dài hạn	406	481	-15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	405	480	-15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	643	631	2.0%
Vốn chủ sở hữu	643	631	2.0%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	505	555	703	374	549
Giá vốn hàng bán	458	483	634	347	488
Lợi nhuận gộp	47.4	72.3	69.7	27.5	60.5
Doanh thu HĐTC	0.02	0.50	0.10	0.19	0.24
Chi phí TC	21.7	23.0	23.2	21.7	22.6
Chi phí lãi vay	22.9	22.2	21.9	21.2	21.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.35	7.66	1.80	8.05	4.22
Chi phí QLDN	4.24	4.89	2.74	6.85	5.96
LN thuần từ HĐKD	20.1	37.3	42.1	-8.94	27.9
Lợi nhuận khác	0.21	0.02	0.76	-0.05	0.13
LN trước thuế	20.3	37.3	42.8	-8.99	28.1
Lợi nhuận sau thuế	20.3	32.4	35.3	-8.99	24.2
LNST của CĐ cty mẹ	20.3	32.4	35.3	-8.99	24.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.1	102	130	-57.2	-30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.14	-2.67	-17.4	-1.32	-15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-65.5	-82.7	-55.0	6.50	20.7
Tiền đầu kỳ	16.9	8.36	24.7	82.4	30.4
Lưu chuyển tiền thuần	-8.58	16.3	57.7	-52.0	-25.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	-0.10
Tiền cuối kỳ	8.36	24.7	82.4	30.4	4.53

(Nguồn: fireant.vn)